

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 32

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh mì ốp la trứng gà, nước tương, hành lá, ngò rí
NT nhóm 2: Cháo trứng gà, mướp, cải thảo
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt bò hầm hạt sen, khoai tây, hành lá, ngò rí
- Canh cải thảo, bắp mỳ nấu thịt heo, hành lá, ngò rí
Xế: Bánh Flan
Xế chiều: Hủ tiếu thịt gà, măng tây, giá, hẹ lá, củ cải, cải bó xôi

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	1,800	2,560	46,080
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,460	5,460
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
8	N0776	Bánh mì	600	9,200	55,200
9	0530	Nước tương (xì dầu)	500	2,640	13,200
10	0451	Trứng gà công nghiệp	900	7,333.3	66,000
11	0122	Hạt sen tươi	100	39,270	39,270
12	0037	Khoai tây	200	3,990	7,980
13	0286	Thịt bò loại II	1,100	36,750	404,250
14	0007	Ngô bắp tươi	300	4,200	12,600
15	0191	Cải thảo	400	5,040	20,160
16	N0770	Thịt nạc dăm	500	18,480	92,400
17	N0779	Cải bó xôi	100	8,190	8,190
18	0103	Củ cải trắng	200	3,150	6,300
19	0118	Giá đậu xanh	200	2,730	5,460
20	0124	Hẹ lá	50	5,360	2,680
21	0134	Măng tây	100	14,910	14,910
22	N0772	Thịt ức gà	500	12,920	64,600
23	N0755	Hủ tiếu	300	4,290	12,870
24	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	1,024	14,750	151,040
25	0457	Sữa bột toàn phần	583.14	20,500	119,544

Tổng chợ	1,183,999
----------	-----------

Tổng tiền thực phẩm	1,183,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,183,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	2,331,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	2,331,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan